

Số: /TB-ĐHHVN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
Điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2025

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy năm 2025 theo phương thức PT1 (*Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025*) và tổ hợp D01 (Toán, Văn, Anh), cụ thể như sau:

Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Điểm trúng tuyển
NHÓM KỸ THUẬT & CÔNG NGHỆ (32 Chuyên ngành)		
1. Điều khiển tàu biển	D101	22.25
2. Khai thác máy tàu biển	D102	21
3. Quản lý hàng hải	D129	23.5
4. Điện tử viễn thông	D104	22
5. Điện tự động giao thông vận tải	D103	20.5
6. Điện tự động công nghiệp	D105	23.5
7. Tự động hóa hệ thống điện	D121	22.25
8. Máy tàu thủy	D106	20.5
9. Thiết kế tàu và công trình ngoài khơi	D107	20
10. Đóng tàu và công trình ngoài khơi	D108	19.5
11. Máy và tự động hóa xếp dỡ	D109	20.25
12. Kỹ thuật cơ khí	D116	21.75
13. Kỹ thuật cơ điện tử	D117	22.75
14. Kỹ thuật ô tô	D122	22.5
15. Kỹ thuật nhiệt lạnh	D123	20.5
16. Máy và tự động công nghiệp	D128	21
17. Xây dựng công trình thủy	D110	19
18. Kỹ thuật an toàn hàng hải	D111	20.5
19. Xây dựng dân dụng và công nghiệp	D112	19.5
20. Công trình giao thông và cơ sở hạ tầng	D113	19
21. Kiến trúc và nội thất	D127	19
22. Quản lý công trình xây dựng	D130	20.25
23. Công nghệ thông tin	D114	23.5
24. Công nghệ phần mềm	D118	22.25
25. Kỹ thuật truyền thông và mạng máy tính	D119	21.5
26. Quản lý kỹ thuật công nghiệp	D131	21.75
27. Kỹ thuật môi trường	D115	20.75
28. Kỹ thuật công nghệ hóa học	D126	19.5
29. Điện tự động công nghiệp (<i>nâng cao</i>)	H105	19.5
30. Công nghệ thông tin (<i>nâng cao</i>)	H114	20
31. Điều khiển tàu biển (<i>chọn</i>)	S101	20.75
32. Khai thác máy tàu biển (<i>chọn</i>)	S102	19.5

NHÓM KINH TẾ (10 Chuyên ngành)		
33. Kinh tế vận tải biển	D401	23.7
34. Kinh tế vận tải thủy	D410	22.75
35. Logistics và chuỗi cung ứng	D407	25
36. Kinh tế ngoại thương	D402	23.75
37. Quản trị kinh doanh	D403	22.5
38. Quản trị tài chính kế toán	D404	22.15
39. Quản trị tài chính ngân hàng	D411	22
40. Truyền thông Marketing	D412	23.15
41. Kinh tế vận tải biển (<i>nâng cao</i>)	H401	21.25
42. Kinh tế ngoại thương (<i>nâng cao</i>)	H402	21.65
NHÓM NGOẠI NGỮ (02 Chuyên ngành)		
43. Tiếng Anh thương mại (<i>TA hệ số 2</i>)	D124	27
44. Ngôn ngữ Anh (<i>TA hệ số 2</i>)	D125	28.5
NHÓM CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN (04 Chuyên ngành)		
45. Quản lý kinh doanh và Marketing	A403	20.75
46. Kinh tế Hàng hải	A408	20.25
47. Kinh doanh quốc tế và Logistics	A409	22.25
48. Quản lý kinh doanh thương mại điện tử	A404	20
NHÓM NGÀNH LUẬT (02 Chuyên ngành)		
49. Luật hàng hải	D120	23.25
50. Luật kinh doanh	D132	23

Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển khác PT1 được quy đổi theo các bảng 1 và 2 dưới đây:

Bảng 1. Bảng quy đổi dành cho các phương thức xét tuyển PT2, PT3, PT5

TT	PT1 D01 là tổ hợp gốc (thang 30)	PT2 D01 là tổ hợp gốc (thang 30)	PT3 D01 là tổ hợp gốc (thang 30)	PT5 D01 là tổ hợp gốc (thang 30)
Khoảng 1	26 – 30	25.5 – 30	28.13 – 30	28.65 – 30
Khoảng 2	24 – 26	23.4 – 25.5	26.9 – 28.13	27.57 – 28.65
Khoảng 3	21 – 24	20.3 – 23.4	24.69 – 26.9	25.83 – 27.57
Khoảng 4	18 – 21	17.2 – 20.3	22.56 – 24.69	24.27 – 25.83
Khoảng 5	15 – 18	15 – 17.2	18 – 22.56	18 – 24.27

Bảng 2. Bảng quy đổi dành cho phương thức xét tuyển PT4

TT	PT1 D01 là tổ hợp gốc (thang 30)	PT4		
		TSA (thang 100)	HSA (thang 150)	ĐHQG TP.HCM (thang 1200)
Khoảng 1	26 – 30	73.85 – 100	112 – 150	986.41 – 1200
Khoảng 2	24 – 26	64.08 – 73.85	98 – 112	859.66 – 986.41
Khoảng 3	21 – 24	52.93 – 64.08	79 – 98	626.36 – 859.66
Khoảng 4	18 – 21	43.41 – 52.93	63 – 79	474.34 – 626.36
Khoảng 5	15 – 18	33.29 – 43.41	49 – 63	380.53 – 474.34

Đối với 02 chuyên ngành thuộc nhóm ngoại ngữ, điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển khác PT1 được quy đổi theo bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Bảng quy đổi dành cho 02 chuyên ngành thuộc nhóm ngoại ngữ

TT	PT1 D01 là tổ hợp gốc (thang 40)	PT2 D01 là tổ hợp gốc (thang 40)	PT4		
			TSA (thang 100)	HSA (thang 150)	ĐHQG TP.HCM (thang 1200)
Khoảng 1	34.67 – 40	34 - 40	73.85 – 100	112 – 150	986.41 – 1200
Khoảng 2	32 – 34.67	31.2 - 34	64.08 – 73.85	98 – 112	859.66 – 986.41
Khoảng 3	28 - 32	27.07 - 31.2	52.93 - 64.08	79 - 98	626.36 - 859.66
Khoảng 4	24 - 28	22.93 - 27.07	43.41 - 52.93	63 - 79	474.34 - 626.36
Khoảng 5	20 - 24	20 - 22.93	33.29 - 43.41	49 - 63	380.53 - 474.34

Ghi chú: Các phương thức xét tuyển: PT2 - Xét tuyển kết hợp; PT3 - Xét tuyển theo kết quả học tập và rèn luyện THPT (Xét học bạ); PT4 - Xét tuyển theo điểm ĐGTD của ĐHBK Hà Nội (TSA), ĐGNL của ĐHQG Hà Nội (HSA), ĐGNL của ĐHQG TP.HCM; PT5 - Xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và điểm học bạ.

Điểm trúng tuyển theo tổ hợp xét tuyển khác D01 được quy đổi theo các bảng 4 và 5 dưới đây:

**Bảng 4. Độ chênh của các tổ hợp so với tổ hợp D01
theo các phương thức xét tuyển PT1 và PT2**

D01	A00	A01	C00	C01	C02	C03	C04	D09	D10	D14	D15	X02
-	0.17	0	0.75	0.4	0.17	0.29	0.31	-0.12	-0.09	0.44	0.46	0.35

**Bảng 5. Độ chênh của các tổ hợp so với tổ hợp D01
theo các phương thức xét tuyển PT3 và PT5**

D01	A00	A01	C01	C02	X02	D09	D10	D14	D15
-	0.17	0.06	0.11	0.11	0.26	0.14	0.1	0.16	0.12

Đối với 02 chuyên ngành thuộc nhóm ngoại ngữ, điểm trúng tuyển theo tổ hợp xét tuyển khác D01 được quy đổi theo bảng 6 dưới đây:

**Bảng 6. Độ chênh của các tổ hợp so với tổ hợp D01
dành cho 02 chuyên ngành thuộc nhóm ngoại ngữ**

D01	A01	D09	D10	D14	D15
-	0	-0.16	-0.12	0.59	0.61

Ghi chú: Các tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); C00 (Văn, Sử, Địa); C01 (Toán, Văn, Lý); C02 (Toán, Văn, Hóa); C03 (Toán, Văn, Sử); C04 (Toán, Văn, Địa); D09 (Toán, Sử, Anh); D10 (Toán, Địa, Anh); D14 (Văn, Sử, Anh); D15 (Văn, Địa, Anh); X02 (Toán, Văn, Tin).

Đối với 02 chuyên ngành thuộc nhóm ngành luật, ngoài điểm trúng tuyển, thí sinh phải đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học. Cụ thể, đối với các tổ hợp xét tuyển có cả Toán và Văn thì tổng điểm của hai môn phải không thấp hơn 12; đối với các tổ hợp xét tuyển có Văn và không có Toán thì điểm Văn phải không thấp hơn 6.

Thí sinh có thể tra cứu kết quả xét tuyển vào Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trên địa chỉ website **<https://xettuyen.vimaru.edu.vn>**.

Thí sinh trúng tuyển cần lưu ý:

1. Xác nhận nhập học trên cổng thông tin của Bộ GDĐT tại địa chỉ: **<https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>** trước **17h00 ngày 30/8/2025**.

2. Từ ngày **25/8/2025 đến 17h00 ngày 30/8/2025**, xác nhận nhập học và nộp các khoản thu nhập học trực tuyến trên **Cổng thông tin sinh viên** của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tại địa chỉ: **<https://student.vimaru.edu.vn>** bằng Email sinh viên (*kích hoạt email sinh viên bằng tài khoản và mật khẩu được gửi vào email đã đăng ký trên hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT*).

Trường hợp thí sinh không thể thực hiện nhập học trực tuyến có thể đến xác nhận nhập học trực tiếp tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam - số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng trong thời gian từ ngày **25/8/2025 đến 17h00 ngày 30/8/2025**.

3. Từ ngày **25/8/2025 đến ngày 30/8/2025**, đăng nhập vào **Cổng thông tin sinh viên** của Trường, hoàn thiện khai báo thông tin cá nhân, tải Lý lịch sinh viên về in ra và xin xác nhận của địa phương. Tân sinh viên có thể tra cứu lịch khám sức khỏe, đo đồng phục và lịch sinh hoạt tuần công dân sinh viên, lịch đăng ký các học phần tự chọn, thời khóa biểu học kỳ I năm học 2025-2026, ... trên **Cổng thông tin sinh viên**.

4. Đến **17h00 ngày 30/8/2025**, nếu thí sinh không xác nhận nhập học trên Cổng thông tin của Bộ GDĐT và xác nhận nhập học tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam **thì coi như thí sinh từ chối nhập học** và Nhà trường sẽ hủy kết quả trúng tuyển.

5. Chi tiết về thủ tục xác nhận nhập học và tiếp đón thí sinh đến làm thủ tục nhập học xem tại địa chỉ: **<http://tuyensinh.vimaru.edu.vn>**. Nếu có vướng mắc cần được trợ giúp, thí sinh/tân sinh viên liên lạc qua số Hotline/Zalo: 0941.979.484.

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (đề b/c);
- ĐU, HĐT, BGH;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PGS.TS. Phạm Xuân Dương